

# TÍCH HỢP GIÁO DỤC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CHƯƠNG TRÌNH SỰ PHẠM LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** Quyền con người là quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người, luôn cần được nhận thức đúng đắn và coi trọng để xây dựng một xã hội nhân văn và tiến bộ. Bình đẳng giới là một quyền quan trọng trong nhân quyền và xã hội cần đấu tranh để tiến tới sự bình đẳng giới thực chất trong xã hội. Việc tích hợp giáo dục nhân quyền thông qua cung cấp các kiến thức lịch sử gồm những sự kiện liên quan đến hoạt động đấu tranh về bình đẳng giới vào đầu thế kỷ XX trong môn học Lịch sử Việt Nam cận đại cho sinh viên sự phạm Lịch sử là cần thiết vì giáo dục quyền con người là một hoạt động có mục đích đem đến nhận thức về quyền con người để từ đó tự bảo vệ quyền của mình và biết tôn trọng quyền của người khác. Giáo dục về bình đẳng giới thông qua kết nối kiến thức lịch sử từ thế kỷ XX với các sự kiện thực tiễn của xã hội thế kỷ XXI khi học kiến thức chuyên ngành cho sinh viên Lịch sử tại trường đại học Thủ đô Hà Nội là một vấn đề cần quan tâm và vận dụng.

**Từ khóa:** Bình đẳng giới, kiến thức chuyên ngành, Quyền con người, sự phạm lịch sử, tích hợp giáo dục.

Nhận bài ngày 25.12.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.02.2025  
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thanh Thủy; email: thanhthuy@daihocthudo.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục quyền con người là một hoạt động có mục đích đem đến nhận thức về nhân quyền để con người tự bảo vệ quyền của mình và biết tôn trọng quyền của người khác. Trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình sự phạm lịch sử, môn học *Lịch sử Việt Nam cận đại* có nhiều nội dung kiến thức có thể tích hợp việc giáo dục quyền con người cho sinh viên. Nội dung tích hợp chính là giáo dục về quyền con người thông qua các kiến thức về phong trào Nữ quyền, đấu tranh cho bình đẳng giới tại xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, các phong trào đòi tự do dân chủ trong nội dung kiến thức của môn học Lịch sử Việt Nam cận đại. Về phong trào Nữ quyền và các phong trào đòi tự do dân chủ những năm đầu thế kỷ XX- một biểu hiện của đấu tranh vì nhân quyền đã được nhiều nhà sử học quan tâm nghiên cứu. Đã có một số công trình tiêu biểu như: “Vấn đề phụ nữ trên báo chí tiếng Việt trước năm 1945” của tác giả Đặng Thị Vân Chi- Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2008, “*Lịch sử cuộc vận động vì các quyền dân sinh dân chủ ở Việt Nam (1936-1939)*” của tác giả Phạm Hồng Tung – Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2008, *Phụ nữ Tân Văn, phần son tô điểm son hà* của tác giả Thiết Mộc Lan, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn năm 2010.

Trên cơ sở nghiên cứu khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử mà Môn học Lịch sử Việt Nam cận đại là môn học chuyên ngành quan trọng thuộc môn học bắt buộc, tác giả đã quan tâm lựa chọn để tích hợp giáo dục quyền con người vào những nội dung kiến thức của Lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX gồm các phong trào đấu tranh dân chủ mà có rất nhiều các cuộc đấu tranh vì nhân quyền mà tiêu biểu là phong trào Nữ quyền đầu thế kỷ XX, phong trào đòi tự do dân chủ nửa đầu thế kỷ XX và bài học lịch sử của phong trào đó trong thời hiện đại. Đây là những nội dung mà tác giả quan tâm để có thể tích hợp giáo dục quyền con người vào các môn học chuyên ngành Lịch sử.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Khái niệm nhân quyền và một số nội dung cơ bản về nhân quyền

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. *"Trong khoa học pháp lý, các quyền con người được hiểu đó là những quyền mà pháp luật cần phải thừa nhận đối với tất cả các thể nhân. Đó là quyền tối thiểu mà các cá nhân phải có, những quyền mà các nhà lập pháp không được xâm hại"* [1, tr.26].

Trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định quyền con người cần được tôn trọng khi đã trích lại những lời trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ đó là: *"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"* [2, tr.1].

Với ý nghĩa thiêng liêng của quyền con người đã được xác nhận, các Hiến pháp trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ khi giành được độc lập năm 1945 đến nay đều coi nhân quyền là một nội dung quan trọng. Trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013, các quyền con người được xác định tại Chương II và được chia thành các nhóm khác nhau như:

*Nhóm các quyền con người về dân sự, chính trị* gồm các nội dung cơ bản như: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật trong đó có người Việt Nam ở nước ngoài; Mọi người có quyền sống, thân thể và tính mạng, danh dự và nhân phẩm được pháp luật bảo hộ. Mỗi người đều có quyền tự do cá nhân như tự do cư trú, có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và gia đình, có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

*Nhóm các quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa* như: Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ. Quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, quyền của người làm công ăn lương được pháp luật hộ. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Trên cơ sở quyền bình đẳng là quyền thiêng liêng của con người, được ghi trong Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực ngày 01/7/2007 với mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong xã hội và và tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ.

Cùng với *Luật Hôn nhân và Gia đình* trên cơ sở bình đẳng giới, *Luật phòng, chống bạo lực gia đình* cũng là một căn cứ pháp lý quan trọng cho việc thúc đẩy bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trong gia đình nói riêng, bảo vệ phụ nữ và trẻ em luôn có nhiều nguy cơ bị tổn thương trước những hành vi bạo lực gia đình.

Tóm lại, những quyền con người được quan tâm giáo dục sâu sắc và tôn trọng sẽ khiến cho mỗi người hiểu được quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác, cùng xây dựng một xã hội nhân bản và văn minh.

### 2.2. Kiến thức về phong trào đấu tranh bình đẳng giới – một nội dung của quyền con người ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

Trong môn học: *"Lịch sử Việt Nam cận đại" (1858 -1945)*, các phong trào vận động xã hội nhằm đấu tranh vì độc lập dân tộc và dân chủ trong xã hội là nội dung quan trọng, kéo dài từ trong nửa đầu thế kỷ XX. Cuộc vận động nữ quyền ở Việt Nam đầu thế kỷ XX dựa trên vai trò thực tế của phụ nữ trong cuộc sống gia đình và xã hội suốt chiều dài lịch sử Việt Nam đã kết tinh thành giá trị văn hoá *"trọng mẫu"*, coi phụ nữ là nội tướng, tôn trọng và thừa nhận địa vị quan trọng của phụ nữ khiến cho *"nữ quyền"* trở thành một vấn đề quan trọng trong cuộc vận động giải phóng con người và giải phóng xã hội ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Đây cũng là một nội dung kiến thức quan trọng của môn học *Lịch sử Việt Nam cận đại (1858 -1945)*.

Việc đấu tranh cho quyền bình đẳng giới không chỉ là của riêng phái nữ mà nó còn có ý nghĩa phản đối cả một mô hình xã hội gia trưởng độc đoán, trọng nam khinh nữ, thay đổi quan niệm của

giới đàn ông và cao hơn nữa là cách nhìn của toàn xã hội đối với phụ nữ. Sau tờ báo *Nữ giới chung*<sup>1</sup> ra đời với tư cách là tờ báo phụ nữ đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam và chủ bút của báo là Sương Nguyệt Anh<sup>2</sup> đã cất lên tiếng nói của phụ nữ và những vấn đề của phụ nữ là sự xuất hiện của tờ báo có tên gọi *Phụ nữ Tân văn* xuất bản vào năm 1929 mà người sáng lập là bà Cao Thị Khanh<sup>3</sup>. Tờ "*Phụ nữ Tân Văn*" đưa ra tôn chỉ khẳng định về nữ quyền và vai trò của người phụ nữ trong xã hội với tuyên ngôn: "*Phấn sơn tô điểm sơn hà, Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam*" [3, tr.25].

*Phụ nữ Tân Văn* đã tiến hành trưng cầu ý kiến trên diễn đàn báo chí với các nhân vật có tên tuổi trong xã hội đối với vấn đề phụ nữ như Trần Trọng Kim, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Bùi Quang Chiêu, như Đạm Phương nữ sử, Huỳnh Lan... Các nhóm ý kiến về vấn đề nữ quyền được chia thành các quan điểm khác nhau. *Nhóm đầu tiên* là nhóm ủng hộ nữ quyền từ những trí thức có hiểu biết Hán học nhưng tiếp thu tư tưởng mới như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng,... cho đến trí thức Tây học Phan Văn Trường, Cao Văn Chánh, hoặc là phụ nữ trí thức tiến bộ như Đạm Phương, Huỳnh Lan... Nhóm này ủng hộ phong trào nữ quyền, thừa nhận thuyết nam nữ bình đẳng là hợp với nhân đạo và công lý cũng như đánh giá học thuyết và phong tục Á Đông coi "*Nam tôn nữ ty, nam quý nữ tiện*" là sai lầm [4, tr.92].

Trong bài trả lời của báo *Phụ nữ Tân Văn*, bà Đạm Phương nữ sử<sup>4</sup> cho rằng trong cuộc vận động nữ quyền là phụ nữ hiện nay cần thực hiện ba vấn đề. Đó là: "*Khai đạo trí thức, nữ công thực nghiệp, phụ công chức nghiệp*" [4, tr.139]. Sự bất bình đẳng với phụ nữ hiện vẫn tồn tại và chính vì vậy người phụ nữ muốn bình đẳng thì ngoài phận sự gia đình, cần mưu sự hạnh phúc chung cho xã hội (Theo *Báo Phụ nữ Tân Văn ngày 30/5/1929*).

Trên con đường đấu tranh đòi bình quyền nam nữ thì "*nữ học là quan trọng nhất*". [4, tr 102]. Muốn tiến lên ngang bằng nam giới, phụ nữ cần phải tự học, tự khẳng định mình tức là phải "*Khai đạo trí thức*" cho phụ nữ. Việc học tập để vươn lên ngang tầm với đàn ông phải do phụ nữ tự nhận thức và thực hiện. Phụ nữ cũng cần vươn lên tham gia công tác ngoài xã hội, có "*chức nghiệp*" vì có quyền tự chủ tự chủ tài chính. Không sao nhãng thiên chức làm vợ, làm mẹ cũng cần thiết vì gia đình là giá trị được coi trọng ở phương Đông [4].

*Nhóm thứ hai* là nhóm theo phái ôn hòa trong việc ủng hộ nữ quyền mà đại diện là Phạm Quỳnh, ông đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và cho rằng phụ nữ có thể đóng góp cho xã hội thông qua vai trò làm mẹ và làm vợ.

*Nhóm thứ ba* là nhóm của những người phản đối nữ quyền như Bùi Quang Chiêu<sup>5</sup>, Nguyễn Phan Long<sup>6</sup>. Những nhân vật trí thức Tây học này phản đối nữ quyền không phải vì họ không hiểu biết về khái niệm nữ quyền mà thái độ đối với nữ quyền và giải phóng phụ nữ phản ánh quan niệm và quyền lợi giai cấp của họ. Bùi Quang Chiêu cho rằng ở đời không có sự bình đẳng. Đối với phụ nữ, ông cho rằng không thể có quyền bình đẳng nam nữ thực sự, vì đàn bà không xóc vác được công việc như đàn ông. Theo ông, đàn bà kém vì tư cách của họ không phải lỗi của ai, vì vậy không nên đòi bình quyền [4].

Đây là những quan điểm cơ bản trong cuộc đấu tranh nữ quyền nửa đầu thế kỷ XX. Tuyên bố quan điểm về vấn đề phụ nữ, *Phụ nữ Tân Văn* đã đấu tranh cho nữ quyền và bình đẳng nam nữ theo quan điểm dân chủ phương Tây. Đó là phụ nữ có quyền bình đẳng về giáo dục và nghề nghiệp để tự chủ về kinh tế và tham gia hoạt động xã hội mặc dù vẫn thực hiện thiên chức làm mẹ và công

<sup>1</sup> Tờ *Nữ giới chung* là tờ báo riêng của phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam xuất bản năm 1918, tồn tại được hơn 5 tháng. Chủ bút là Sương Nguyệt Anh

<sup>2</sup> Sương Nguyệt Anh tên thật là Nguyễn Xuân Khê (con gái của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu) thừa hưởng từ cha lòng yêu nước và vốn Hán học.

<sup>3</sup> Bà Cao Thị Khanh và chồng là ông Nguyễn Đức Nhuận là thương gia kinh doanh tơ lụa trước khi làm báo. Bà đã lập Tòa soạn ở số 42 đường Catinat – Sài Gòn (nay là đường Đồng Khởi- TP Hồ Chí Minh)

<sup>4</sup> Đạm Phương nữ sử (1881-1947), tên thật là Tôn Nữ Đồng Canh, nhà báo, nhà hoạt động văn hoá, xã hội đầu thế kỷ XX, Hội trưởng hội Nữ công học hội Huế, cây bút đấu tranh vì nữ quyền, cộng tác với nhiều tờ báo nổi tiếng như Nam Phong, Hữu Thanh, Phụ nữ tân văn...

<sup>5</sup> Bùi Quang Chiêu là lãnh tụ Đảng Lập hiến, chủ bút báo Diễn Đàn Đông Dương tham gia tích cực trong phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ và tranh đấu cho Việt Nam hưởng quy chế tự trị.

<sup>6</sup> Nguyễn Phan Long chủ nhiệm báo Đuốc Nhà Nam

việc gia đình. Một vấn đề nổi bật đặt ra với phụ nữ ngay từ đầu thế kỷ là phụ nữ muốn vươn lên sự bình đẳng cần phải tự học, tự khẳng định mình[5].

Đạm Phương nữ sử, một nhà hoạt động thực tiễn đã sớm khẳng định vai trò của tổ chức phụ nữ trong việc tập hợp đoàn kết phụ nữ giúp nhau cùng tiến bộ. Bà đã tổ chức " *Nữ công học hội*"(1926), một tổ chức giáo dục tư nhân dành cho phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam không những vừa dạy nghề nữ công gia chánh mà còn giúp phụ nữ nâng cao tri thức và hiểu biết xã hội để tự lập và vươn lên bình đẳng bình quyền với nam giới[6].

Phong trào đấu tranh cho nữ quyền ở Việt Nam đã xuất hiện và phát triển khá mạnh mẽ ngay vào nửa đầu thế kỷ XX. Điểm đáng lưu ý là với quan điểm tiến bộ của các trí thức Tây học, vấn đề nữ quyền đã đi từ việc nhận thức vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội kết hợp với quá trình giáo dục phụ nữ mở mang về tư tưởng và học vấn, tuyên truyền tư tưởng phụ nữ tự học và tự lập nghiệp nhằm vươn lên tự giải phóng và giành quyền bình đẳng với đàn ông. Bên cạnh đó, bình đẳng nam nữ không có nghĩa là phụ nữ bỏ quên thiên chức làm mẹ và vai trò của người mẹ trong gia đình. Cho đến hiện nay những quan điểm này vẫn còn nguyên tính cập nhật.

### **2.3. Giới thiệu về mục tiêu và nội dung chương trình sư phạm lịch sử ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội**

Chương trình sư phạm Lịch sử được xây dựng nhằm đào tạo giáo viên môn Lịch sử có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức vững chắc về khoa học lịch sử; có khả năng giảng dạy tri thức lịch sử cho học sinh trung học phổ thông.

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý luận phương pháp dạy học môn lịch sử cùng hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam, lịch sử địa phương. Từ đó, chương trình giúp cho người học có được năng lực thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học Lịch sử ở trường trung học theo hướng phát triển năng lực; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học giáo dục; có phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất xã hội đáp ứng chuẩn giáo viên trung học và yêu cầu công việc chuyên môn trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế.

Về mục tiêu cụ thể, khi hoàn thành chương trình, người học có kiến thức lí luận về chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và chính sách pháp luật của Nhà nước, có kiến thức căn bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội văn hóa và nghệ thuật, khoa học giáo dục, tâm lí học lứa tuổi học sinh, phương pháp nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục, tổng hợp được hệ thống kiến thức về khoa học giáo dục, khoa học Lịch sử và các kiến thức liên ngành khoa học xã hội và nhân văn, có kĩ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động dạy học Lịch sử; nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình Lịch sử ở trường trung học. Người học sử dụng được các kĩ thuật cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ để giao tiếp và làm việc. Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm, người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; mức độ tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn, có tác phong và cách thức làm việc phù hợp, làm tấm gương tốt cho học sinh.

Chương trình dạy học Sư phạm lịch sử hiện nay đang thực thi tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã được chỉnh sửa từ năm 2022, có cấu trúc trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Chương trình dạy học cử nhân sư phạm Lịch sử gồm 130 tín chỉ gồm 89 học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung (16 học phần), khối kiến thức cơ sở ngành và đào tạo chuyên ngành Lịch sử (28 học phần) khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập sư phạm (14 học phần) , học phần thay thế khóa luận (3 học phần) giúp chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất. Trong đó khối kiến thức chung là công cụ cần thiết, giúp người học đủ khả năng tổng hợp và giải quyết các vấn đề liên ngành trong khoa học xã hội, có năng lực chung (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tri giác không gian, năng lực giao tiếp, hợp tác, tự phát triển bản thân) ... để triển khai giảng dạy các nội dung liên môn ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Chương trình dạy học cử nhân sư phạm Lịch sử được thiết kế bao gồm 59 tín chỉ cho khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử. Khối kiến thức này tập trung vào những kiến

thức Lịch sử cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn trong đời sống, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, tính lý thuyết và thực hành. Nội dung các học phần được tích hợp trong những lĩnh vực Lịch sử như: Lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam ... Các kiến thức Lịch sử được xây dựng đáp ứng nội dung dạy học tích hợp và phân hóa ở phổ thông. Hầu hết các học phần thuộc khối kiến thức này đều hướng tới đáp ứng tốt khả năng giảng dạy Lịch sử THCS và THPT sau khi tốt nghiệp. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm có 22 tín chỉ gồm các học phần giúp rèn luyện các kỹ năng, năng lực sư phạm cần thiết theo cách thức nâng cao dần kiến thức và năng lực. Từ việc cung cấp kiến thức cơ bản về nghiệp vụ (trong học phần Nghiệp vụ sư phạm 1, nghiệp vụ sư phạm 2), các kỹ năng kiểm tra đánh giá (học phần Kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông) đến các kiến thức, kỹ năng, năng lực đối với giảng dạy Lịch sử (học phần Lý luận dạy học Lịch sử và học phần Phương pháp dạy học Lịch sử) [7].

Tất cả các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý về điều kiện tiên quyết và thời lượng mỗi học phần và thời điểm thực hiện. Các học phần thuộc khối kiến thức chung (như Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục quốc phòng. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin...) được học ở những học kỳ đầu của khoá học để tạo nền tảng kiến thức chung. Tiếp theo đó là các học phần thuộc khối kiến thức chung rèn luyện năng lực sư phạm, tiếp đến là nhóm học phần về kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành Lịch sử. ... để tạo nền tảng cho các học phần khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử. Trong khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử, các học phần cũng được sắp xếp theo logic phức tạp dần, học phần Lịch sử cơ sở sẽ là nền tảng cho các học phần Lịch sử chuyên môn sâu hơn. Chương trình được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật để nâng cao chất lượng.

Ngày 21/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg về việc tăng cường thực hiện đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đề thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước, “Quyền con người” là nội dung hiện được chú ý tích hợp trong chương trình đào tạo các ngành khác nhau tại trường đại học trước khi đưa vào dạy như một môn học độc lập.

Với ngành Sư phạm Lịch sử, những nội dung giáo dục về quyền con người ngoài việc có thể tích hợp vào các môn học thuộc khối kiến thức chung như các môn học Lý luận chính trị như: Triết học Mác – Lê nin, Kinh tế - Chính trị. Môn Pháp luật đại cương cũng là môn học có thể tích hợp kiến thức về Quyền con người .

Đối với các môn học thuộc về khối kiến thức riêng của ngành Sư phạm Lịch sử có thể giáo dục tích hợp một cách tương đối thuận lợi khi dạy khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành cho người học. Ví dụ: môn cơ sở ngành như: Cơ sở văn hóa Việt Nam, môn kiến thức ngành như: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử thế giới cận hiện đại, các môn kiến thức chuyên ngành như Danh nhân Việt Nam trong Lịch sử, Làng xã Việt Nam trong Lịch sử ... Những quyền con người được ghi trong các văn bản pháp luật thể hiện sự tôn trọng nhân quyền cũng như tính chất tiên bộ của Luật pháp Việt Nam. Việc tích hợp giáo dục nhân quyền qua những kiến thức lịch sử cụ thể của khá nhiều môn học từ Lịch sử Việt Nam đến Lịch sử thế giới là rất cần thiết. Điều này tác động tích cực đối với việc nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực của người học trong một xã hội hiện đại và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên trong bài viết này, tác giả chỉ lựa chọn một học phần Lịch sử Việt Nam cận đại để dẫn chứng cho việc tích hợp giáo dục về Quyền con người trong chương trình đào tạo sư phạm Lịch sử.

#### **2.4. Tích hợp giáo dục về bình đẳng giới – một quyền con người trong giảng dạy về phong trào nữ quyền ở môn học Lịch sử Việt Nam cận đại**

Như đã biết, bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Đây là một quyền quan trọng của nhân quyền.

Cuộc đấu tranh cho bình đẳng giới ở Việt Nam đã trải qua một thế kỷ với những mục tiêu tiến bộ, thúc đẩy phụ nữ vươn lên bình đẳng với đàn ông trong gia đình và xã hội. Tuy nhiên, những định kiến xã hội, sự phân biệt và việc bất bình đẳng giới không dễ gì xóa bỏ một sớm một chiều.

Trong xã hội, phụ nữ vẫn đối mặt với một “*Sự thật thẳng thừng là đàn ông vẫn đang lãnh đạo cả thế giới*” [8, tr.8].

Chính vì vậy, vấn đề bình đẳng giới vẫn cần được truyền thông trên các phương tiện đại chúng và được tích hợp trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là đại học với những hình thức khác nhau. Tích hợp giáo dục về bình đẳng giới cho sinh viên sư phạm Lịch sử qua những kiến thức chuyên ngành, kết nối từ các sự kiện lịch sử trong quá khứ đến hiện tại, đưa đến sự đối chiếu và so sánh, khẳng định giá trị của bài học lịch sử và áp dụng vào cuộc sống của mỗi người là điều rất cần thiết. Bài học của quá khứ khẳng định trong xã hội hiện đại, phụ nữ vẫn phải tiếp tục đấu tranh cho bình đẳng giới trong đó vẫn đề vượt qua những định kiến xã hội về giới là rất quan trọng.

Hiện nay trên báo chí và truyền hình đã có những thông tin cụ thể về nội dung của bình đẳng giới. Bình đẳng giới trong xã hội hiện đại cần được thực hiện trong các lĩnh vực cơ bản gồm: Bình đẳng trong lĩnh vực chính trị (tham gia bộ máy nhà nước, công tác xã hội, bầu cử và ứng cử, bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý...), bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế, lao động, giáo dục – đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa thông tin, y tế, gia đình...

Bình đẳng giới không có nghĩa là phụ nữ và nam giới phải như nhau không có sự khác biệt về giới tính, giống nhau về mọi mặt, mà là sự giống nhau và khác nhau giữa phụ nữ và nam giới phải được công nhận và đánh giá một cách bình đẳng.

Chính vì vậy, cần có nhìn nhận rõ nét những giá trị của bình đẳng giới và cuộc đấu tranh cho bình đẳng giới vẫn còn tiếp tục do những định kiến xã hội vẫn tồn tại lâu dài.

Bất bình đẳng giới là sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ về vị thế, điều kiện và tạo nên cơ hội khác nhau trong sự tiếp cận các nguồn lực, sự thụ hưởng khác nhau giữa nam và nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong việc thực hiện quyền con người. Ví dụ: công việc đặc thù của phụ nữ thường bị đánh giá thấp hơn nam giới, cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp của phụ nữ cũng thường thấp hơn nam giới. Ti lệ phụ nữ làm quản lý thấp hơn nam giới nhiều, một đặc điểm dễ nhận thấy là chức vụ lãnh đạo cao nhất của các đơn vị thuộc về nữ rất ít mà phụ nữ thường được bổ nhiệm ở cấp phó đơn vị.

Phụ nữ làm công việc gia đình nhiều hơn nam giới đơn cử: trung bình 1 năm phụ nữ làm công việc gia đình nhiều hơn nam giới 300 giờ [9]. Trong khi đó phụ nữ lại hưởng thụ ít hơn nam giới (ví dụ trong lĩnh vực giải trí như xem ti vi, đọc sách báo, thể dục thể thao, ăn nhậu... đàn ông đều chiếm ưu thế).

Vậy lý do tại sao sự bất bình đẳng giới vẫn tồn tại và đấu tranh cho bình đẳng giới là không dễ dàng? Lý do là định kiến xã hội về giới còn tồn tại khá nặng nề.

Sự phân công công việc theo giới tính như đàn ông làm công việc bên ngoài, phụ nữ làm việc nhà đã diễn ra lâu dài trong hàng ngàn năm khiến định kiến giới khó thay đổi... Chỉ khi nào có sự nhận thức rõ ràng về những giá trị của bình đẳng giới và dũng cảm đấu tranh với những định kiến xã hội gây ra sự bất bình đẳng giới thì mới có bình đẳng giới thật sự. Đây là một thế giới “*noi mà phân nửa các thể chế sẽ do phụ nữ lãnh đạo và phân nửa gia đình sẽ do đàn ông lãnh đạo*” [8, tr 14]. Tức là phụ nữ được bình đẳng trong những vị trí lãnh đạo để có những quyết định ảnh hưởng lớn tới xã hội.

Dù ở Việt Nam hay châu Âu, khi phụ nữ tham gia vào công việc xã hội luôn đứng trước thách thức phải cân đối nhiệm vụ gia đình và sự nghiệp. Phụ nữ cần tự tin rằng họ không chỉ vừa xây dựng gia đình tốt mà còn vừa có thể xây dựng một sự nghiệp tốt.

Xã hội Việt Nam trong một thời gian dài trước thời cải cách mở cửa vẫn tung hô khẩu hiệu kêu gọi phụ nữ: “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*”. Chỉ khi sự nhận thức xã hội được thay đổi mới có thể nhận ra đây chính là một định kiến xã hội được áp đặt cho phụ nữ. Đó là một sự bất công bởi lẽ phụ nữ không thể hoàn hảo một cách phi lý như xã hội áp đặt. Thực chất, câu khẩu hiệu này chỉ là giành cho cả hai giới và việc đàn ông và phụ nữ đều có thể cùng giỏi việc nước, đảm việc nhà mới là một sự hợp lý. Sau một thời gian dài tồn tại quan điểm việc nhà là chỉ giành cho phụ nữ thì hiện nay trong cuộc sống hiện đại tại Việt Nam đã xuất hiện một quan điểm mới, đó là “*Chia sẻ việc nhà*”[9].

Đây là sự nhận thức về chân giá trị của bình đẳng giới để phụ nữ có thể được đối xử công bằng trong công việc chăm sóc gia đình và hưởng thụ lợi ích.

Nhà nước Việt Nam cũng đã có chính sách thai sản cho lao động nam khi có đóng bảo hiểm và vợ sinh con. (ví dụ: 5 ngày làm việc nếu vợ sinh thường, 7 ngày làm việc nếu vợ sinh mổ...) [9]. Đây chính là sự thể hiện của bình đẳng giới, một chính sách xã hội văn minh, tiên bộ đã được thông tin rộng rãi.

Để vươn tới là một người phụ nữ thành công trong hoạt động xã hội mà mình chứng cho sự thành công chính là tham gia vào các vị trí lãnh đạo dựa trên năng lực thực sự của chính mình, phụ nữ phải vượt qua một rào cản xã hội là áp lực xã hội về hôn nhân.

Nam giới được hoan nghênh khi có tham vọng lớn về quyền lực và sự nghiệp còn phụ nữ thì ngược lại. Hình ảnh đẹp của người phụ nữ là biết chăm sóc người khác đến mức quên đi chính bản thân. Định kiến về giới và yếu tố văn hóa đã gắn liền đàn ông với khả năng lãnh đạo và phụ nữ với khả năng vun vén gia đình và đức hy sinh.

Những phẩm chất cần thiết nhất của phụ nữ hiện đại sẽ là tự tin và không sợ hãi khi ra quyết định theo đuổi ước mơ để vươn tới thành công. Biết yêu thương bản thân cũng là một phẩm chất mà người phụ nữ cần phấn đấu. Đó là: phải biết cách tự chăm sóc bản thân để luôn khỏe đẹp, không hi sinh những quyền lợi chính đáng của bản thân chỉ để phục vụ chồng con, tin vào chính mình và không cố làm hài lòng tất cả mọi người. Trong đó, điều cơ bản phụ nữ cần phấn đấu là tự chủ tài chính dựa trên năng lực bản thân để không phụ thuộc vào đàn ông [10]. Đây chính là một trong những mục tiêu quan trọng mà phụ nữ cần hướng tới để từ đó có tự do và hạnh phúc.

### 3. KẾT LUẬN

Sự khác nhau của phong trào bình đẳng giới ở Việt Nam trong thế kỷ XX và thế kỷ XXI là: Cuộc đấu tranh đòi nữ quyền đầu thế kỷ XX là phụ nữ được đi học, được tham gia vào công việc xã hội mà vẫn không bỏ nhiệm vụ nội trợ trong gia đình. Bước sang thế kỷ XXI, phụ nữ hiện đại cần đủ tự tin và dám dấn thân để vượt qua chính mình và những rào cản xã hội, trong đó định kiến về giới là quan trọng nhất để đạt được tối ưu năng lực mà phụ nữ vốn có, thành công trong sự nghiệp và có một cuộc sống riêng hài lòng trên cơ sở học cách yêu thương bản thân, để đàn ông cùng chia sẻ việc nhà với phụ nữ và phụ nữ cùng lãnh đạo thế giới với đàn ông. Đây cũng chính là những chân giá trị của bình đẳng giới mà phụ nữ hiện đại cần phấn đấu vươn tới để đạt được những giá trị bền vững của một cuộc sống bình đẳng tự do. Đây cũng chính là nội dung cần tích hợp để giáo dục nhân quyền cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử khi học những nội dung kiến thức của học phần Lịch sử Việt Nam cận đại (1858 -1945).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
2. *Hồ chí Minh toàn tập* (2011), *tập 4 1945 -1946*, Nxb Chính trị Quốc gia
3. Thiết Mộc Lan (2010) *Phụ nữ Tân Văn phần sơn tô điểm sơn hà*, Nxb Văn hóa Sài Gòn công ty sách thời đại.
4. Đặng Thị Vân Chi (2007), *Vấn đề phụ nữ trên báo chí tiếng Việt trước năm 1945*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Báo Phụ nữ Tân Văn số 15, ngày 30/5/ 1929, *Lời tâm huyết cùng chị em đồng bào*.
6. Báo Phụ nữ Tân Văn số 224, năm 1933, *Mục đích của Nữ lưu học hội*.
7. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (2022), *Chương trình dạy học Cử nhân Sư phạm Lịch sử*.
8. Sheryl Sandberg (2015) *Dấn thân*, (Trần Thị Ngân Tuyết dịch) Nxb Trẻ, Tr. 8, tr.14
9. Nguyễn Mạnh Thân (2020) *Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới*, lấy từ <https://phunu.khanhhoa.gov.vn/article/luat-phap-va-chinh-sach>
10. Báo Tuổi trẻ (2022), *Phụ nữ nên học cách yêu thương bản thân*, lấy từ <https://tuoitre.vn/phu-nu-nen-hoc-cach-yeu-thuong-ban-than-20220304094407248.htm>

## THE INTEGRATION OF HUMAN RIGHTS EDUCATION INTO THE HISTORY PEDAGOGY CURRICULUM AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

**Abstract:** *Human rights are natural, inherent and objective rights of human beings, which always need to be properly perceived and respected to build a humane and progressive society. Gender equality is an important right in human rights and society needs to fight for real gender equality in society. Integrating human rights education through providing historical knowledge including events related to the struggle for gender equality in the early 20th century in the subject of Modern Vietnamese History for History pedagogy students is necessary because human rights education is an activity with the purpose of bringing awareness of human rights so that people can protect their own rights and respect the rights of others. Gender equality education through connecting historical knowledge from the 20th century with practical events of the 21st century society when studying specialized knowledge for History students at Hanoi Capital University is an issue that needs attention and application.*

**Keywords:** *Gender equality, professional knowledge, Human rights, history pedagogy, educational integration*